

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 42/2021/DS-GĐT

Ngày 07/7/2021

Về “*Tranh chấp về xác định tài sản
chung vợ chồng và chia thừa kế di sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng
gồm có:** 10 (mười) thành viên tham gia xét xử, do ông Đặng Kim Nhân – Thẩm
phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng làm Chủ tọa phiên tòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Hương – Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 07/7/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc
thẩm tại trụ sở để xét xử vụ án “*Tranh chấp về xác định tài sản chung vợ chồng và
chia thừa kế di sản*” giữa:

1. **Nguyên đơn:** Cụ Lê Thị S, sinh năm 1930; cư trú: số X đường C, khu vực
V, phường N, thị xã A, tỉnh B Định.

2. **Bị đơn:** Bà Phan Thị Lệ B, sinh năm 1961; cư trú: số L đường T, khu vực
V, phường N, thị xã A, tỉnh B Định.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ông Phan Duy Tr, sinh năm 1955;

3.2. Bà Lê Thị Ph, sinh năm 1963;

Cùng địa chỉ: X đường C, khu vực V, phường N, thị xã A, tỉnh B Định.

3.3. Ông Phan Duy S1, sinh năm 1958; địa chỉ: N, thành phố Q, tỉnh B Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại Đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2017 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là cụ
Lê Thị S trình bày:*

Vợ chồng cụ S (chồng cụ S là cụ Phan Duy B) không nuôi con nuôi, không
ai có con riêng mà có 05 con chung là: (1). ông Phan Duy L (chết lúc còn nhỏ chưa
có vợ con); (2). ông Phan Duy H (chết năm 1970, chưa có vợ con); (3). ông Phan
Duy Tr; (4). ông Phan Duy S1; (5). bà Phan Thị Lệ B. Quá trình chung sống, vợ
chồng cụ S tạo lập được 2 khối bất động sản chung là: (1). Nhà đất tại số X C, khu

vực V, phường N do vợ chồng Cụ tạo lập năm 1967. Ngày 25/4/2014 UBND thị xã A cấp *Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số CH 01080 cho “Phan Duy B và Lê Thị S”. Ngôi nhà phía mặt tiền thửa đất do 02 Cụ xây dựng để thờ cúng, còn phần nhà phía sau do vợ chồng con trai hai Cụ là ông Phan Duy Tr và bà Lê Thị Ph xây dựng; (2). Nhà đất tại số L đường T, khu vực V, phường N có nguồn gốc đất vợ chồng Cụ mua của Nhà nước. Thời điểm vợ chồng Cụ mua đất thì ông Phan Duy Tr đang ở chung nhà X C với hai Cụ nên chưa có hộ khẩu riêng, ông Phan Duy S1 ở Quy Nhơn, còn bà Phan Thị Lệ B bỏ chồng về ở với cha mẹ nên vợ chồng Cụ nhờ bà B đứng tên quyền sử dụng đất. Năm 2009 bà B tự nguyện lập Hợp đồng tặng cho sang tên thửa đất lại cho cụ B nên ngày 14/7/2009 Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) A cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* (số vào sổ cấp giấy chứng nhận H 03237/QSDĐ/I₈ đứng tên cụ Phan Duy B. Căn nhà tại số L đường T do 02 Cụ xây dựng, bà B không có đóng góp. Cụ B chết ngày 22/9/2012, còn cha mẹ cụ B chết trước cụ B, nay cụ S khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản của cụ B tại 02 khối bất động sản nêu trên theo pháp luật, Cụ đồng ý thanh toán giá trị nhà do vợ chồng con trai là ông Phan Duy Tr và bà Lê Thị Ph xây cất.

- *Bị đơn là bà Phan Thị Lệ B:*

Thống nhất với trình bày của cụ S về quan hệ huyết thống.

Về tài sản và di sản thì bà B cho rằng: (i). Cha mẹ chỉ có tài sản chung là nhà đất tại địa chỉ X C, phần nhà phía trước do cha mẹ xây dựng, còn phần nhà phía sau do vợ chồng ông Tr xây dựng năm 2013, 2014; (ii). Còn nhà đất tại địa chỉ số L T thì bà B cho rằng trước năm 1990 bà B ở cùng cha mẹ tại X C, nhưng do mâu thuẫn nên năm 1990 bà B tách hộ khẩu và làm đơn xin chính quyền cấp đất làm để làm nhà ra ở riêng. Ngày 16/12/1990 UBND huyện A ban hành Thông báo yêu cầu bà B nộp lệ phí cấp đất. Sau khi nộp tiền thì ngày 31/01/1992 UBND huyện A ban hành Quyết định số 40/QĐ-UB giao cho bà B 125m² đất, thuộc lô số 25, thửa số 703, tờ bản đồ số 03, xã N (nay có địa chỉ số L đường T). Ngày 13/7/1992 bà B được UBND huyện A cấp Giấy phép xây dựng và bà B đã xây dựng nhà. Sau khi bà B xây dựng nhà thì từ năm 1992 cụ S đến ở cùng bà B, đến năm 1994 cụ B cũng đến ở cùng bà B. Ngày 11/12/2006 bà B được UBND huyện A cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* (số vào sổ cấp giấy chứng nhận H 02682/QSDĐ/I₈), nhưng năm 2009 do cụ B ép buộc nên bà B phải ký hợp đồng tặng cho nhà đất cho cụ B. Tất cả thủ tục tặng cho nhà đất do cụ B lập, bà B chỉ ký tên. Nay, cụ S khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ B thì bà B chỉ đồng ý chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ B tại địa chỉ số X C, còn nhà đất tại số L đường Trường Trinh là tài sản riêng của bà B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Phan Duy Tr và ông Phan Duy S1 (là 2 con trai của vợ chồng cụ S) thống nhất với trình bày và yêu cầu của cụ S.*

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2018/DS-ST ngày 13/4/2018, Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định quyết định:

1. *Xác định tài sản chung của vợ chồng ông Phan Duy B và bà Lê Thị S gồm: nhà đất tại số 10 Trường Chinh, khu vực V, phường N, thị xã A, tỉnh B Định đã được UBND huyện (nay là thị xã) A cấp GCNQSDĐ số H 03237/QSDĐ/I₈ ngày 14/7/2009 đứng tên ông Phan Duy B và nhà đất tại X C, khu vực V, phường N, thị xã A, tỉnh B Định đã được UBND huyện (nay là thị xã) A cấp GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 01080 ngày 25/4/2014 cho vợ chồng ông Phan Duy B và bà Lê Thị S.*

2. *Trích công sức đóng góp, duy trì bảo quản tài sản tại nhà số 10 Trường Chinh, khu vực V, phường N, thị xã A, tỉnh B Định cho bà Phan Thị Lệ B bằng $\frac{1}{2}$ nhà đất là 62,5m² đất ở + $\frac{1}{2}$ giá trị nhà là 21.846.950 đồng.*

3. *Chia tài sản chung của vợ chồng ông Phan Duy B và bà Lê Thị S mỗi người được $\frac{1}{4}$ nhà đất tại số 10 Trường Chinh (31,25m² đất ở và tài sản gắn liền với đất là 10.923.475 đồng + $\frac{1}{2}$ nhà đất tại X C (100m² đất ở; 92,5m² đất trồng cây lâu năm, trị giá nhà 32.558.242 đồng).*

4. *Xác định có 04 đồng thừa kế ở hàng thứ 1 của ông Phan Duy B gồm: vợ (Lê Thị S), 03 người con là ông Phan Duy Tr, ông Phan Duy S1, bà Phan Thị Lệ B.*

5. *Chia di sản của ông Phan Duy B cho các thừa kế: bà Lê Thị S, ông Phan Duy Tr, ông Phan Duy S1, bà Phan Thị Lệ B mỗi người được 01 kỷ phần là 7,81m² đất ở tại số 10 Trường Chinh; 25m² đất ở và 23,12m² đất trồng cây lâu năm tại số X C + giá trị nhà tính bằng tiền 10.870.429 đồng.*

6. *Giao toàn bộ nhà, đất tại X C, khu vực V, phường N, thị xã A, tỉnh B Định cho bà Lê Thị S. Bà Lê Thị S có trách nhiệm thối lại cho các ông bà Phan Duy Tr, Phan Duy S1, Phan Thị Lệ B mỗi người một kỷ phần thừa kế tại số nhà X C là 151.635.560đ.*

Bà S phải trả lại phần giá trị xây dựng cho vợ chồng ông Phan Duy Tr + bà Lê Thị Ph là 261.724.680 đồng.

Giao toàn bộ nhà đất tại số 10 Trường Chinh, khu vực V, phường N, thị xã A, tỉnh B Định cho bà Phan Thị Lệ B.

Bà B có trách nhiệm hoàn trả phần thừa kế cho ông Tr, ông S1 mỗi người 65.210.868 đồng; hoàn trả cho bà S cả phần tài sản riêng và kỷ phần thừa kế là 326.134.343 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và tuyên bố quyền kháng cáo.

- Ngày 16/4/2018, bà B kháng cáo.

- Ngày 26/4/2018, cụ S kháng cáo.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 91/2018/DS-PT ngày 30/11/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị Lệ B, chấp nhận một phần kháng cáo của cụ Lê Thị S, sửa bản án sơ thẩm.

Xác định tài sản chung của vợ chồng cụ Phan Duy B và cụ Lê Thị S gồm: nhà đất tại số L T, khu vực V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định đã được UBND huyện (nay là thị xã) A cấp GCNQSDĐ số H03237/QSDĐ/I₈ ngày 14/7/2009, đứng tên Phan Duy B và nhà đất tại số X C, khu vực V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định đã được UBND huyện (nay là thị xã) A cấp GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 01080 ngày 25/4/2014 cho vợ chồng cụ Phan Duy B và cụ Lê Thị S.

Chia tài sản chung của vợ chồng cho cụ Phan Duy B và cụ Lê Thị S mỗi người được nhận 1/2 giá trị nhà và đất tại số L T là 702.542.125 đồng; 1/2 giá trị nhà và đất tại X C là 700.046.594 đồng.

Xác định có 04 đồng thừa kế ở hàng thứ I của cụ Phan Duy B gồm: cụ Lê Thị S, ông Phan Duy Tr, ông Phan Duy S1, bà Phan Thị Lệ B.

Chia di sản của cụ Phan Duy B đối với nhà và đất tại số L T cho các thừa kế: Cụ Lê Thị S, ông Phan Duy Tr, ông Phan Duy S1, bà Phan Thị Lệ B mỗi người được 01 kỷ phần $12,5m^2 \times 11.000.000 \text{ đồng}/m^2 + 3.008.425đ$ giá trị nhà = 140.508.425 đồng. Riêng bà B được nhận thêm một kỷ phần thừa kế cho công sức đóng góp, bảo quản di sản là 140.508.425 đồng.

Giao toàn bộ nhà đất tại số L T, khu vực V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định cho bà Phan Thị Lệ B.

Bà B có trách nhiệm hoàn trả cho cụ S phần tài sản riêng và kỷ phần thừa kế là $75m^2$ đất ở $\times 11.000.000đ/m^2 + 18.050.550$ giá trị nhà = 843.050.550đ; giao lại phần thừa kế cho ông Tr và ông S1 mỗi người được nhận 140.508.425 đồng.

Chia di sản của cụ Phan Duy B đối với nhà và đất tại X C cho các thừa kế: Cụ S, ông Tr, ông S1, bà B mỗi người được 01 kỷ phần thừa kế là $25m^2$ đất ở $\times 6.000.000$ đồng và $23,125m^2 \times 800.000 \text{ đồng}/m^2$ đất trồng cây lâu năm + giá trị nhà $6.511.648đ = 175.011.648$ đồng.

Giao toàn bộ nhà, đất tại số X C, khu vực V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định cho cụ Lê Thị S. Cụ Lê Thị S có trách nhiệm thối lại cho các ông bà Phan Duy Tr, Phan Duy S1, Phan Thị Lệ B mỗi người 01 kỷ phần thừa kế tại nhà số X C là 175.007.648đ.

Cụ S phải trả lại phần giá trị xây dựng cho vợ chồng ông Phan Duy Tr, bà Lê Thị Ph là 245 366 887 đồng.

Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

- Từ ngày 19/9/2019 đến ngày 23/3/2021 bà Phan Thị Lệ B gửi nhiều đơn đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm nêu trên.

- Tại Quyết định số 17/2021/KN-DS ngày 26/4/2021, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án phúc thẩm, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 91/2018/DS-PT ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2018/DS-ST ngày 13/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B Định; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối với nhà đất tại X C các đương sự trong vụ án đều thừa nhận quyền sử dụng đất và căn nhà phía trước do vợ chồng cụ S tạo lập, căn nhà phía sau do vợ chồng ông Phan Duy Tr (con trai vợ chồng cụ S) bỏ tiền xây dựng và ngày 25/4/2014 UBND thị xã A cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số sêri CH01080 cho cụ Phan Duy B và cụ Lê Thị S, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chia tài sản chung của vợ chồng cụ S, chia thừa kế phần di sản của cụ B theo pháp luật là đúng.

[2] Cụ S trình bày nguồn gốc diện tích đất hiện nay có địa chỉ số L đường T do Chính quyền bán cho vợ chồng Cụ năm 1992, thời điểm 2 Cụ mua đất thì ông Phan Duy Tr ở chung với 2 Cụ tại X C và chưa tách hộ khẩu riêng, ông Phan Duy S1 thì ở Quy Nhơn, còn bà Phan Thị Lệ B bỏ chồng về ở với 2 Cụ nên 2 Cụ nhờ bà B đứng tên để UBND huyện A ghi tên bà B vào Quyết định giao đất; trong khi đó, bà B cho rằng trước năm 1990 bà B ở cùng cha mẹ tại X C, nhưng do mâu thuẫn nên năm 1990 bà B tách hộ khẩu và làm đơn xin, được Chính quyền giao 125m² đất để làm nhà ở, bà B đã làm nhà ở và năm 2006 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng năm 2009 bị ép buộc ký Hợp đồng tặng cho cụ B nhà đất. Hội đồng xét xử giám đốc thẩm xét thấy bà B cho rằng bị ép buộc ký Hợp đồng tặng cho, nhưng không nêu được căn cứ chứng minh, trong khi mẹ bà B là cụ S và các anh chị em của bà B không thừa nhận. Xét trình bày của cụ S là phù hợp với thực tế ngày 13/01/1992 Ủy ban nhân dân huyện A ban hành Quyết định số 40/QĐ-UB ghi tên giao 125m² đất (là một phần của thửa đất số 703, tờ bản đồ số 03, xã N) cho bà B và ngày 11/12/2006 bà B được UBND huyện A cấp *Giấy chứng*

nhận quyền sử dụng đất (sổ vào sổ cấp GCN: H 02682/QSDĐ/I₈) đối với 125m² đất, thửa số 117, tờ bản đồ 01, nhưng ngày 09/6/2009 bà B ký Hợp đồng tặng thừa đất cho cụ B và ngày 14/7/2009 cụ B được UBND huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ vào sổ cấp GCN: H 03237/QSDĐ/I₈) công nhận có quyền sử dụng thửa số 117, tờ bản đồ 01, xã A (b1 76, 132, 138, 133). Với các tài liệu, chứng cứ nêu trên, cần xác định nguồn gốc 125m² đất, thửa 117, tờ bản đồ số 01 do vợ chồng cụ S mua nhờ bà B đứng tên, chính vì vậy mà sau đó bà B đã ký Hợp đồng tặng cho thừa đất lại cho cụ B.

[3] Xét: (i). Khoản 1 Điều 32 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định “*Vợ, chồng có quyền có tài sản riêng. Tài sản riêng của vợ, chồng gồm tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn; tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân; ...*”; (ii). Theo dẫn chứng và phân tích tại mục [2] thì nguồn gốc thửa đất số 117 do vợ chồng cụ S mua và nhờ bà B đứng tên; tuy nhiên, sau đó bà B tặng thừa đất lại cho cụ B và ngày 14/7/2009 cụ B được UBND huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ vào sổ cấp GCN: H 03237/QSDĐ/I₈) nhưng cụ S không phản đối và đến nay đã hết thời hiệu khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ vào sổ cấp GCN: H 03237/QSDĐ/I₈), do đó cần xác định quyền sử dụng thửa số 117, tờ bản đồ 01, thôn Cẩm Vân, xã A, huyện A là tài sản riêng của cụ B. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm nhận định “*Mặc dù nhà đất tại số L T bà B tặng cho riêng cụ B, nhưng cụ B và cụ S kết hôn từ những năm 1950 nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 “Vợ chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới” để xác định quyền sử dụng thửa đất số 117 là tài sản chung của vợ chồng cụ S, cụ B là áp dụng không đúng pháp luật vì theo nguyên tắc áp dụng pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì hành vi (sự kiện) xảy ra ở thời điểm nào phải áp dụng văn bản pháp luật có hiệu lực ở thời điểm đó (trừ trường hợp văn bản pháp luật có quy định khác - quy định về một vấn đề được áp dụng sớm hoặc hồi tố). Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định quyền sử dụng thửa đất số 117 là tài sản chung của vợ chồng cụ S, cụ B là không đúng, dẫn đến việc chia thừa kế di sản của cụ B không đúng làm ảnh hưởng quyền lợi hợp pháp của những người hưởng thừa kế di sản của cụ B (trong đó có bà B) nên Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 17/2021/KN-DS ngày 26/4/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy bản án phúc thẩm và bản án sơ thẩm, để giải quyết sơ thẩm lại.*

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 337, Điều 343 và Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 91/2018/DS-PT ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2018/DS-ST ngày 13/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định về “*Tranh chấp về xác định tài sản chung vợ chồng và chia thừa kế di sản*” giữa nguyên đơn cụ Lê Thị S với bị đơn là bà Phan Thị Lệ B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Duy Tr, bà Lê Thị Ph và ông Phan Duy S1.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định (02 bản kèm hồ sơ vụ án);
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (để biết);
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng (để biết);
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Bình Định (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng Lưu trữ; Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Kim Nhân